

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 12 - 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm: 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, Thị xã A, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 264/7/6 Nguyễn Thái H, phường N, thành phố Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Ngọc T đăng ký kết hôn số: 40/2012 ngày 13/4/2012 tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh B, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn thường xuyên ăn chơi rượu chè về nhà đánh đập chị, không quan tâm đến vợ con. Đến năm 2017 anh T nghiện ma túy không kiềm chế được cảm xúc của mình liên tục cầm dao kề cổ uy

hiếp chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ chị ở và vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị không thể nào chung sống với anh T được nữa nên chị quyết định xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung: Hoàng Lê Su R, sinh ngày: 28/8/2012 và Hoàng H, sinh ngày: 14/8/2015. Sức khỏe các cháu bình thường, hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi hai con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Ngọc T: Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo theo quy định của pháp luật yêu cầu anh Hoàng Ngọc T đến Tòa làm việc nhiều lần nhưng anh T không đến.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng D ly hôn anh Hoàng Ngọc T.

- Về nuôi con chung:

+ Giao hai con chung là: Hoàng Lê Su R, sinh ngày: 28/8/2012 và Hoàng H, sinh ngày: 14/8/2015 cho chị Lê Thị Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Lê Thị Hồng D - là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh Hoàng Ngọc T - là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng D và anh Hoàng Ngọc T là hôn nhân hợp pháp. Chị D xin ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng không còn là do anh T không lo làm ăn thường xuyên ăn chơi rượu chè về nhà đánh đập chị, không quan tâm đến vợ con. Đến năm 2017 anh T nghiện ma túy không kiểm chế

được cảm xúc của mình liên tục cảm dao kẻ cô uy hiếp chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ chị ở và vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt không đến Tòa làm việc. Tòa đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật yêu cầu anh T đến Tòa làm việc, tạo điều kiện cho anh T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt.

Xét thấy hôn nhân giữa chị D và anh T không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh T có 02 con chung là: Hoàng Lê Su R, sinh ngày: 28/8/2012 và Hoàng H, sinh ngày: 14/8/2015. Sức khỏe các cháu bình thường, hiện nay đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D xin nuôi hai con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Xét thấy hiện nay các cháu còn nhỏ đang ở ổn định với chị D, cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ và quen với môi trường sống của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, do đó yêu cầu nuôi 02 con chung của chị D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị Hồng D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng D ly hôn anh Hoàng Ngọc T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao hai con chung là: Hoàng Lê Su R, sinh ngày: 28/8/2012 và Hoàng H, sinh ngày: 14/8/2015 cho chị Lê Thị Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản..

3. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng D phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0002891 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q. Chị D đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTp.Q;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương